

SỐ LƯỢT KHÁM SỨC KHỎE TẠI TỪNG ĐỊA PHƯƠNG

STT	Phường/xã/ đặc khu	Dân số	Số người được KSK và có HSSKĐT			Số người được KSK, KSL, chưa có HSSKĐT	Cộng dồn	Tỷ lệ
			Tron g tuần	Từ 1-1 đến 24-5	Từ 25-5 đến nay			
1	Phường Phước Thắng	53.283	1679	2.357	31.54 8	104	34.00 9	63,8 3%
2	Xã An Nhơn Tây	45.143	1314	466	23.35 7	3	23.82 6	52,7 8%
3	Đặc khu Côn Đảo	6.658	879	0	3.486	0	3.486	52,3 6%
4	Xã Thạnh An	5.212	18	77	2.431	0	2.508	48,1 2%
5	Xã Xuân Thới Sơn	81.539	5776	985	32.47 5	0	33.46 0	41,0 4%
6	Xã Long Hải	110.72 6	9116	558	43.85 4	0	44.41 2	40,1 1%
7	Xã Phước Thành	16.202	944	89	6.155	0	6.244	38,5 4%

8	Xã An Thới Đông	22.905	3006	277	8.400	0	8.677	37,8 8%
9	Xã Nhuận Đức	39.357	3928	517	13.81 2	0	14.32 9	36,4 1%
10	Xã Đông Thạnh	116.11 1	9906	1.361	40.14 2	1	41.50 4	35,7 5%
11	Xã Phú Hòa Đông	90.375	1441	1.264	31.03 2	0	32.29 6	35,7 4%
12	Xã Bình Mỹ	72.217	2225	1.674	23.71 3	0	25.38 7	35,1 5%
13	Xã Bình Khánh	34.497	1191	1.046	10.55 7	0	11.603	33,6 3%
14	Xã Vĩnh Lộc	42.142	2048	1.813	12.14 3	2	13.95 8	33,1 2%
15	Xã Hóc Môn	77.900	1479	912	24.23 1	6	25.14 9	32,2 8%
16	Phường Tân Mỹ	73.489	4340	1.580	21.87 4	87	23.54 1	32,0 3%
17	Xã Long Sơn	18.040	1471	62	5.624	0	5.686	31,5 2%
18	Xã Bà Điểm	124.17 5	1784	1.145	36.16 3	387	37.69 5	30,3 6%

19	Phường Tam Thắng	87.713	3509	5.106	21.46 3	2	26.57 1	30,2 9%
20	Phường Rạch Dừa	78.310	4021	4.449	19.23 2	0	23.68 1	30,2 4%
21	Xã Long Điền	49.158	4322	393	14.35 1	0	14.74 4	29,9 9%
22	Xã Hiệp Phước	62.519	6988	588	17.35 3	1	17.94 2	28,7 0%
23	Xã Bình Chánh	52.112	3407	1.076	13.74 9	0	14.82 5	28,4 5%
24	Xã Châu Đức	28.584	2723	71	7.739	0	7.810	27,3 2%
25	Xã Trừ Văn Thố	30.211	690	233	7.758	0	7.991	26,4 5%
26	Xã Bàu Bàng	51.771	2386	2.516	11.06 2	0	13.57 8	26,2 3%
27	Phường Tân Tạo	93.374	4948	3.263	20.74 1	0	24.00 4	25,7 1%
28	Xã Đất Đỏ	44.891	3166	72	11.44 7	0	11.519	25,6 6%
29	Xã Tân An Hội	73.708	2899	895	18.00 8	1	18.90 4	25,6 5%

30	Xã Tân Vĩnh Lộc	60.460	3379	2.958	12.43 6	1	15.39 5	25,4 6%
31	Xã Hòa Hiệp	25.791	393	30	6.524	0	6.554	25,4 1%
32	Phường Tân Phước	29.927	2884	392	7.196	0	7.588	25,3 6%
33	Phường Linh Xuân	133.32 3	7213	1.590	31.72 3	3	33.31 6	24,9 9%
34	Xã Ngãi Giao	49.838	4127	126	12.16 4	0	12.29 0	24,6 6%
35	Xã Kim Long	33.824	296	241	8.064	0	8.305	24,5 5%
36	Phường Minh Phụng	86.924	7356	417	18.20 3	1.983	20.60 3	23,7 0%
37	Phường Tăng Nhơn Phú	142.47 6	3248	2.093	30.87 9	5	32.97 7	23,1 5%
38	Xã Bình Châu	26.506	710	35	6.089	0	6.124	23,1 0%
39	Xã Bắc Tân Uyên	29.942	224	301	6.595	0	6.896	23,0 3%

40	Xã Minh Thạnh	26.623	321	20	5.938	1	5.959	22,3 8%
41	Xã Phước Hòa	44.766	747	128	9.491	6	9.625	21,5 0%
42	Phường Bình Tân	118.26 2	6621	1.841	23.49 4	1	25.33 6	21,4 2%
43	Xã Thái Mỹ	51.590	1653	356	10.68 7	0	11.043	21,4 1%
44	Xã Bàu Lâm	22.715	1413	201	4.642	0	4.843	21,3 2%
45	Xã Châu Pha	26.287	1430	157	5.314	0	5.471	20,8 1%
46	Phường Phú Mỹ	91.383	1801	640	18.13 1	0	18.77 1	20,5 4%
47	Xã Phước Hải	44.014	2822	62	8.898	0	8.960	20,3 6%
48	Xã Nghĩa Thành	28.311	2724	180	5.564	0	5.744	20,2 9%
49	Phường Long Trường	55.265	2086	673	10.23 3	113	11.019	19,9 4%
50	Phường Bà Rịa	52.815	3045	352	10.12 2	2	10.47 6	19,8 4%

51	Phường Tân Thành	35.215	3245	106	6.723	0	6.829	19,3 9%
52	Phường Chánh Hiệp	62.273	770	592	11.26 1	0	11.853	19,0 3%
53	Xã Xuân Sơn	27.639	1037	205	4.954	0	5.159	18,6 7%
54	Phường Bình Đông	112.01 4	995	1.533	19.33 7	0	20.87 0	18,6 3%
55	Phường An Khánh	65.665	4269	371	11.39 2	1	11.764	17,9 2%
56	Xã Dầu Tiếng	39.794	267	1.090	5.941	1	7.032	17,6 7%
57	Phường Tân Thuận	123.76 6	2951	2.996	18.76 4	0	21.76 0	17,5 8%
58	Phường Cát Lái	52.525	1444	672	8.503	18	9.193	17,5 0%
59	Phường Tân Thới Hiệp	124.10 9	9048	1.520	19.69 2	0	21.21 2	17,0 9%
60	Phường Dĩ An	213.16 6	3340	1.085	34.88 5	0	35.97 0	16,8 7%
61	Xã Hưng Long	52.306	681	1.717	6.936	173	8.826	16,8 7%

62	Phường Tam Bình	134.16 8	5064	1.724	20.89 7	1	22.62 2	16,8 6%
63	Phường Tân Đông Hiệp	114.07 9	4411	1.198	17.89 0	0	19.08 8	16,7 3%
64	Phường Bình Thới	69.578	3916	531	10.99 3	0	11.524	16,5 6%
65	Phường Tân Khánh	147.28 3	1757	1.263	22.51 0	0	23.77 3	16,1 4%
66	Phường Hòa Bình	54.697	1718	904	7.895	9	8.808	16,1 0%
67	Xã Tân Nhựt	60.271	1457	1.142	8.511	0	9.653	16,0 2%
68	Phường Thuận An	68.976	1131	672	10.00 3	0	10.67 5	15,4 8%
69	Xã Bình Hưng	75.023	3999	1.360	10.24 3	3	11.606	15,4 7%
70	Phường Thủ Dầu Một	99.159	1008	821	14.36 6	0	15.18 7	15,3 2%
71	Xã An Long	18.739	21	31	2.800	0	2.831	15,1 1%

72	Phường Diên Hồng	75.751	3338	579	10.63 0	1	11.210	14,8 0%
73	Phường Đức Nhuận	72.972	971	1.128	9.631	2	10.76 1	14,7 5%
74	Phường Phú An	53.125	2646	837	6.968	0	7.805	14,6 9%
75	Phường Thủ Đức	113.77 4	3790	1.114	15.19 3	286	16.59 3	14,5 8%
76	Phường Tam Long	43.170	1780	514	5.663	0	6.177	14,3 1%
77	Phường Bến Cát	109.16 7	533	5.936	9.611	1	15.54 8	14,2 4%
78	Xã Bình Giã	34.675	1229	42	4.876	0	4.918	14,1 8%
79	Xã Hồ Tràm	52.598	1088	1.319	6.114	0	7.433	14,1 3%
80	Xã Xuyên Mộc	27.015	431	91	3.647	0	3.738	13,8 4%
81	Phường Bình Phú	74.901	2245	950	9.373	2	10.32 5	13,7 8%
82	Xã Long Hòa	23.019	41	600	2.534	9	3.143	13,6 5%

83	Phường Vũng Tàu	118.74 2	2371	1.799	14.38 9	0	16.18 8	13,6 3%
84	Phường Thới Hòa	98.588	561	4.868	8.570	0	13.43 8	13,6 3%
85	Phường Phú Thọ	58.642	3134	383	7.468	5	7.856	13,4 0%
86	Phường Tây Nam	81.750	780	2.445	8.448	0	10.89 3	13,3 2%
87	Phường Bình Cơ	81.176	2150	63	10.50 0	0	10.56 3	13,0 1%
88	Phường Long Hương	32.230	1054	820	3.356	0	4.176	12,9 6%
89	Phường An Phú	159.35 2	1192	2.277	18.22 7	1	20.50 5	12,8 7%
90	Xã Bình Lợi	32.026	555	662	3.447	0	4.109	12,8 3%
91	Phường Bình Tây	50.990	957	447	5.686	352	6.485	12,7 2%
92	Phường Tân Hưng	128.03 2	7165	1.477	14.36 0	379	16.21 6	12,6 7%

93	Phường Long Nguyên	54.770	234	2.946	3.982	2	6.930	12,6 5%
94	Phường Phú Nhuận	71.135	2445	1.207	7.755	0	8.962	12,6 0%
95	Phường Phú Thọ Hòa	143.568	2595	493	17.439	0	17.932	12,4 9%
96	Phường Chợ Quán	60.118	364	193	7.250	0	7.443	12,3 8%
97	Xã Củ Chi	114.221	3594	1.257	12.821	1	14.079	12,3 3%
98	Phường Phú Lâm	90.999	2134	420	10.667	0	11.087	12,1 8%
99	Phường Long Phước	31.076	300	557	3.202	27	3.786	12,1 8%
100	Phường An Lạc	156.798	6887	1.677	17.287	2	18.966	12,1 0%
101	Phường Bình Hưng Hòa	171.537	3449	2.140	18.459	0	20.599	12,0 1%

102	Phường Chánh Phú Hòa	62.451	1810	1.008	6.435	0	7.443	11,9 2%
103	Phường Bình Thạnh	114.15 5	4172	962	12.59 5	0	13.55 7	11,8 8%
104	Phường Đông Hòa	140.99 1	8306	810	15.90 2	0	16.71 2	11,8 5%
105	Phường Long Bình	87.176	2230	996	9.246	0	10.24 2	11,7 5%
106	Phường Tân Uyên	81.127	4538	1.010	8.406	25	9.441	11,6 4%
107	Xã Hòa Hội	36.448	143	164	4.042	0	4.206	11,5 4%
108	Phường Sài Gòn	38.334	628	677	3.737	1	4.415	11,5 2%
109	Phường Thuận Giao	157.92 5	776	1.917	16.10 7	0	18.02 4	11,4 1%
110	Phường An Đông	65.237	992	777	6.592	7	7.376	11,3 1%
111	Phường Xóm Chiếu	64.582	786	583	6.667	51	7.301	11,3 1%
112	Phường Tân Hiệp	146.97 7	5449	241	16.27 8	0	16.51 9	11,2 4%

113	Xã Phú Giáo	44.261	1381	137	4.805	0	4.942	11,1 7%
114	Xã Nhà Bè	145.85 5	1918	2.524	13.52 2	0	16.04 6	11,0 0%
115	Phường Trung Mỹ Tây	104.13 3	4242	1.134	10.22 7	0	11.361	10,9 1%
116	Phường Chợ Lớn	72.683	1036	212	7.693	1	7.906	10,8 8%
117	Phường Hiệp Bình	150.83 9	5781	1.295	15.08 2	16	16.39 3	10,8 7%
118	Phường Cầu Kiệu	72.616	1820	585	6.431	788	7.804	10,7 5%
119	Phường Bình Quới	44.882	335	397	4.253	0	4.650	10,3 6%
120	Phường Bình Trị Đông	163.82 6	2561	2.371	14.41 3	1	16.78 5	10,2 5%
121	Xã Cần Giờ	25.660	179	759	1.799	0	2.558	9,97 %
122	Phường Tân Sơn Nhất	71.715	1294	241	6.835	0	7.076	9,87 %

123	Phường Khánh Hội	101.62 2	1175	708	9.255	12	9.975	9,82 %
124	Phường Tân Hải	31.078	665	173	2.877	0	3.050	9,81 %
125	Phường Tân Định	52.219	583	122	4.973	0	5.095	9,76 %
126	Phường Xuân Hòa	48.143	865	913	3.783	0	4.696	9,75 %
127	Phường Lái Thieu	112.58 9	576	701	10.13 1	1	10.83 3	9,62 %
128	Phường Tân Sơn Nhì	106.94 6	2940	539	9.486	4	10.02 9	9,38 %
129	Phường Bình Lợi Trung	103.99 5	3058	1.517	8.138	0	9.655	9,28 %
130	Phường Bình Tiên	89.358	1492	498	7.700	2	8.200	9,18 %
131	Phường Thới An	88.246	1010	570	7.429	0	7.999	9,06 %
132	Xã Thanh An	26.621	239	572	1.831	0	2.403	9,03 %

133	Phường Bình Hòa	123.72 6	1460	2.081	9.020	0	11.101	8,97 %
134	Phường Phú Thuận	68.924	685	841	5.320	0	6.161	8,94 %
135	Phường Tân Bình	80.702	1047	812	6.343	0	7.155	8,87 %
136	Phường Hòa Lợi	97.612	1750	1.163	7.385	1	8.549	8,76 %
137	Phường Vườn Lài	104.89 0	1710	454	8.504	0	8.958	8,54 %
138	Phường Gò Vấp	89.263	1476	519	7.043	0	7.562	8,47 %
139	Phường Hòa Hưng	85.094	1379	532	6.384	34	6.950	8,17 %
140	Phường An Hội Đông	102.29 0	2725	958	6.803	585	8.346	8,16 %
141	Phường Hạnh Thông	107.18 8	2839	1.067	7.663	6	8.736	8,15 %
142	Phường Phước Long	123.33 8	1981	878	9.098	0	9.976	8,09 %

143	Phường An Phú Đông	91.973	708	1.085	6.296	0	7.381	8,03 %
144	Phường Phú Định	137.231	1832	1.367	9.640	0	11.007	8,02 %
145	Phường Bảy Hiền	112.941	2029	657	8.354	20	9.031	8,00 %
146	Phường Phú Lợi	123.140	339	1.348	8.482	0	9.830	7,98 %
147	Phường Nhiêu Lộc	107.893	1200	454	7.576	510	8.540	7,92 %
148	Phường Thạnh Mỹ Tây	144.301	3744	1.494	9.753	2	11.249	7,80 %
149	Phường Bình Trưng	100.953	1939	625	7.158	0	7.783	7,71 %
150	Phường Tân Phú	96.673	834	747	6.678	1	7.426	7,68 %
151	Xã Thường Tân	21.055	78	597	1.020	0	1.617	7,68 %
152	Phường An Hội Tây	119.113	2820	339	8.790	1	9.130	7,66 %
153	Phường Vĩnh Hội	64.621	385	497	4.324	0	4.821	7,46 %

154	Phường Bình Dương	119.45 9	584	1.303	7.446	0	8.749	7,32 %
155	Phường Tân Sơn Hòa	61.257	389	238	4.170	0	4.408	7,20 %
156	Phường Đông Hưng Thuận	138.79 3	1086	1.340	8.532	0	9.872	7,11 %
157	Phường Vĩnh Tân	69.814	657	298	4.531	1	4.830	6,92 %
158	Phường Chánh Hưng	195.35 6	1343	2.753	10.72 5	0	13.47 8	6,90 %
159	Phường Tây Thạnh	66.900	1522	278	4.262	0	4.540	6,79 %
160	Phường An Nhơn	95.800	1178	196	6.229	2	6.427	6,71 %
161	Phường Tân Sơn	56.491	207	469	3.208	0	3.677	6,51 %
162	Phường Cầu Ông Lãnh	86.296	2360	285	5.253	2	5.540	6,42 %

163	Phường Gia Định	128.942	2717	1.165	7.012	0	8.177	6,34 %
164	Phường Thông Tây Hội	118.648	840	205	6.786	1	6.992	5,89 %
165	Phường Phú Thạnh	95.257	847	699	4.445	0	5.144	5,40 %
166	Phường Tân Hòa	79.350	467	252	3.802	1	4.055	5,11 %
167	Phường Bàn Cờ	84.496	525	221	3.886	0	4.107	4,86 %
168	Phường Bến Thành	62.361	343	254	1.826	0	2.080	3,34 %